TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 25-02-2020
"Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2. Bà Nguyễn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1962

bà Phạm Thị G, sinh năm: 1966

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre

Nơi tạm trú: ấp Tây Bắc, xã B, huyện T, tỉnh Long An

2. ***Bị đơn***: ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1965

bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1965

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Tây Bắc, xã B, huyện T, tỉnh Long An

(Ông H, bà G có mặt tại phiên tòa; ông K, bà C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Huỳnh Văn H, Phạm Thị G trình bày:**

Vào ngày 07/01/2019, ông bà có cho vợ chồng ông K, bà C vay 600.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khi đến hạn trả nợ, ông K, bà C chỉ trả được 120.000.000 đồng, còn nợ lại 480.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay ông bà yêu cầu ông K, bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông bà 480.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Văn K bà Nguyễn Thị C** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp đây là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo theo khoản 1 Điều 203 BLTTDS. Các thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại chương X BLTTDS. Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của đương sự thực hiện đúng theo quy định tại Điều 96, 97, 98 BLTTDS. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều 94, 95, 96, 97, 109, 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thủ tục bắt đầu phiên tòa đảm bảo theo quy định BLTTDS. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo công khai, dân chủ và được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo quy định tại Điều 247 BLTTDS.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: đơn khởi kiện thể hiện đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 189 BLTTDS, tham gia đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, cơ bản chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt đã tuân thủ nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa, cơ bản chấp hành đúng theo quy định tại Điều 234 BLTTDS.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà G đã cung cấp được chứng cứ chứng minh là biên nhận vay tiền ghi ngày 07/01/2019 có chữ ký của ông K, bà C. Nội dung thể hiện ông K, bà C có vay tiền của ông H, bà G số tiền 600.000.000 đồng. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thừa nhận vợ chồng ông K, bà C đã trả 120.000.000 đồng, còn lại 480.000.000 đồng, nên yêu cầu vợ chồng ông K, bà C tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Phía bị đơn ông K, bà C dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không tham gia phiên tòa, từ đó thể hiện ý chí từ bỏ quyền lợi của mình. Như vậy, căn cứ biên nhận mượn tiền có chữ ký của ông K, bà C mà ông H, bà G đã cung cấp và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay nhận thấy việc vay mượn nợ trên là có thực. Việc ông H, bà G đã nhận số tiền 120.000.000 đồng từ ông

K, bà C là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 BLTTDS.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị C vắng mặt không lý do. Tuy nhiên ông K, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông K, bà C vẫn vắng mặt. Ông K, bà C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K, bà C vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông K, bà C cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 07/01/2019, ông K, bà C có vay tiền của ông H, bà G 600.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khi đến hạn trả nợ, ông K, bà C trả 120.000.000 đồng, còn nợ lại 480.000.000 đồng đến nay chưa trả cho ông H, bà G.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông K, bà C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông K, bà C không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà G. Hội đồng xét xử xét thấy ông H, bà G khởi kiện và đã cung cấp được chứng

cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 07/01/2019 có chữ ký tại mục người vay Nguyễn Văn K và người thừa kế Nguyễn Thị C. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà G, buộc ông K và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H, bà G số tiền nợ gốc 480.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các bị đơn có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị G.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị G số tiền 480.000.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị C còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng *(Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000663 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới chịu 23.200.000 đồng *(Hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nguyễn Phương Chi

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Ngọc Nhuận-Nguyễn Thị Duyên ***Đặng Nguyễn Phương C***